

TÁC ĐỘNG CỦA PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CON NGƯỜI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY: MỘT VÀI PHÂN TÍCH TỪ GÓC ĐỘ MÔI TRƯỜNG

TRƯƠNG VĂN DỪNG*

Từ khóa: môi trường, con người, phát triển bền vững.

Ngày nhận bài: 02/10/2019, ngày gửi phản biện: 03/10/2019, ngày duyệt đăng bài: 16/12/2019.

1. Mối quan hệ giữa con người và môi trường trong phát triển bền vững ở nước ta hiện nay

Môi trường tự nhiên là tất cả những gì tạo nên môi trường sống xung quanh con người. Đó là tổ hợp của các yếu tố như: tài nguyên thiên nhiên, không khí, đất, nước, khí hậu, ánh sáng, cảnh quan,... Theo Luật Bảo vệ môi trường: "Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và yếu tố vật chất nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng tới đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và thiên nhiên" (Điều 1). Nếu nói điều kiện của môi trường tự nhiên là địa bàn và đối tượng của sự phát triển, thì phát triển là nguyên nhân tạo nên các biến đổi của môi trường. Với tư cách là một thực thể tự nhiên, với sự vận động (hoạt động) của mình, con người sống, tồn tại và phát triển cùng với môi trường của tự nhiên. Mọi sự xáo trộn về môi trường tự nhiên sẽ tác động trực tiếp đến các hoạt động, chất lượng cuộc sống của con người, bởi giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

Môi trường tự nhiên trong phát triển kinh tế có mối quan hệ khăng khít, chặt chẽ với con người, nó tác động thường xuyên (hàng ngày, hàng giờ), trực tiếp ảnh hưởng tới sự tồn tại và phát triển của con người. Chúng ta có thể khái quát về mối quan hệ đó trên một số nội dung: Môi trường tự nhiên là điều kiện thường xuyên, cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người; Môi trường tự nhiên là khung cảnh lao động, nơi nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí của con người; Môi trường tự nhiên là nơi phát triển trí tuệ,

*TS. Viện Nghiên cứu Con người, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

thâm mĩ và những phẩm chất tốt đẹp của con người; Môi trường tự nhiên cũng là nơi tiếp nhận, biến đổi các chất thải của con người.

Trong phát triển kinh tế xã hội của con người, môi trường tự nhiên có quan hệ khăng khít, chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau trong một thế cân bằng và thống nhất. Môi trường tự nhiên cung cấp nguyên liệu và không gian cho sản xuất xã hội, nó không chỉ cung cấp “đầu vào” mà còn chứa đựng cả “đầu ra” trong quá trình sản xuất và đời sống. Các hoạt động sản xuất là một quá trình bắt đầu từ việc sử dụng nguyên, nhiên liệu, vật tư, thiết bị máy móc, đất đai, cơ sở vật chất kĩ thuật, sức lao động của con người để tạo ra sản phẩm hàng hóa. Mà những dạng vật chất trên không phải gì khác chính là các yếu tố môi trường. Các hoạt động sống cũng không thể tách rời yếu tố môi trường tự nhiên: như không khí để thở, nhà để ở, phương tiện đi lại,... Như vậy, chính các yếu tố môi trường là “đầu vào” của quá trình sản xuất và các hoạt động sống của con người. Đồng thời, môi trường tự nhiên cũng lại là nơi chứa đựng, đồng hóa “đầu ra” các chất thải của quá trình sản xuất, đời sống con người. Trong các chất thải này, có thể có nhiều loại độc hại làm ô nhiễm, suy thoái gây ra các sự cố về môi trường. Vấn đề đặt ra là cần phải làm thế nào để hạn chế thấp nhất các chất thải, đặc biệt là chất thải gây ô nhiễm, tác động tiêu cực đối với môi trường tự nhiên.

Sự giàu nghèo của mỗi quốc gia cũng phụ thuộc khá nhiều vào nguồn tài nguyên thiên nhiên. Thực tế, rất nhiều quốc gia có sự phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu dựa trên cơ sở khai thác tài nguyên để xuất khẩu, đòi lấy ngoại tệ, thiết bị công nghệ hiện đại,... Có thể khẳng định, tài nguyên nói riêng và môi trường tự nhiên nói chung có vai trò quyết định đối với sự phát triển bền vững về kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, vùng lãnh thổ và địa phương.

Trong quá trình phát triển kinh tế với mục tiêu nâng cao điều kiện sống về vật chất và tinh thần của con người thông qua việc sản xuất ra của cải vật chất, cải tiến quan hệ xã hội, nâng cao chất lượng văn hóa, chúng ta biết rằng, từ cơm ăn, nước uống, thuốc chữa bệnh, quần áo đều là sản phẩm từ thiên nhiên thông qua quá trình lao động của chính con người. Con người lựa chọn, tạo dựng cuộc sống cho mình từ môi trường tự nhiên, con người sẽ tác động vào môi trường, sự tác động đó có thể theo cả hướng tích cực và tiêu cực. Sự tác động của con người tăng theo sự gia tăng quy mô dân số và theo hình thái kinh tế, từ chỗ lệ thuộc, bị động đến cải tạo, chinh phục tự nhiên. Sự tác động tích cực của con người vào môi trường tự nhiên được thể hiện qua việc tận dụng khai thác tài nguyên thiên nhiên, các yếu tố môi trường nhằm phục vụ cuộc sống của mình. Ngược lại, nếu sự tác động đó theo hướng tiêu cực khiến cho môi trường tự nhiên bị hủy hoại, tàn phá, dẫn đến làm biến đổi khí hậu, thay đổi tầng ozôn, sinh ra ô nhiễm môi trường,

hạn hán, bão lũ, bệnh dịch,... Qua đó cho chúng ta thấy, giữa môi trường và sự phát triển luôn có mối quan hệ chặt chẽ. Môi trường là địa bàn và đối tượng của sự phát triển, còn phát triển là nguyên nhân tạo nên các biến đổi của môi trường. Môi trường tự nhiên tác động đến sự phát triển kinh tế thông qua việc suy thoái nguồn tài nguyên - đối tượng của sự phát triển kinh tế hoặc gây ra các thảm họa, thiên tai đối với các hoạt động kinh tế xã hội trong nước và khu vực. Ở các quốc gia có trình độ phát triển kinh tế khác nhau cũng có các xu hướng gây ô nhiễm môi trường khác nhau. Dưới góc độ an ninh quốc gia, môi trường có liên quan tới phát triển bền vững của một quốc gia, dân tộc. Khi kinh tế, xã hội phát triển cao sẽ giúp chúng ta có đủ điều kiện đảm bảo an ninh quốc phòng, giữ vững độc lập chủ quyền của dân tộc. Điều đó lại tạo điều kiện ổn định chính trị xã hội để phát triển kinh tế đất nước. Vấn đề ở đây là phải luôn đảm bảo sự hài hòa giữa phát triển và bảo vệ môi trường.

Tuy nhiên, trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nông nghiệp, du lịch; quá trình đô thị hóa, xây dựng nông thôn mới,... ở Việt Nam đã có những tác động mạnh mẽ đến sự phát triển không bình thường của môi trường tự nhiên như: ô nhiễm nguồn nước, không khí, bão lũ,... Và thực tế, Việt Nam hiện đang phải đối mặt với thách thức môi trường có nguy cơ ngày càng tăng cao do sức ép phát triển kinh tế, sự thay đổi cơ cấu xã hội và những biến đổi trong tự nhiên, đặc biệt là ô nhiễm rác thải nhựa và không khí. Ô nhiễm môi trường đã đến mức đáng lo ngại, đang đe dọa, ảnh hưởng đến đời sống, tài sản và sinh kế của hàng triệu người, chúng ta đang phải đối diện với sự "phát triển" của bệnh tật, đặc biệt là bệnh ung thư, bệnh về đường hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, điếc, cao huyết áp, bệnh trầm cảm, bệnh mất ngủ,... đó là hiện tượng của sự ô nhiễm tầng ozon, không khí, nguồn nước sinh hoạt, của chất thải công nghiệp gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sinh thái và sức khỏe con người. Từ các vấn đề nêu trên đã cho chúng ta thấy: môi trường, con người và phát triển bền vững có mối quan hệ rất chặt chẽ với nhau. Do đó, để đảm bảo phát triển bền vững, cần khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, môi trường; thực hiện sản xuất sạch, phát triển sản xuất đi đôi với giải pháp xử lý môi trường, bảo tồn các nguồn gen động, thực vật; bảo tồn đa dạng sinh học. Bảo vệ môi trường không chỉ có ý nghĩa với hiện tại, mà quan trọng hơn nó đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững trong tương lai. Nếu hôm nay chúng ta không quan tâm tới môi trường, không làm tốt công tác bảo vệ môi trường, làm cho môi trường bị hủy hoại, tàn phá và xuống cấp thì trong tương lai, con cháu chúng ta chắc chắn sẽ phải gánh chịu những hậu quả xấu. Đó chính là sự phát triển không có tính bền vững giữa môi trường với phát triển con người.

2. Tác động của phát triển kinh tế tới môi trường và con người

2.1. Tác động từ quá trình đô thị hóa và phát triển các khu công nghiệp

Sự gia tăng của các khu đô thị và khu công nghiệp cũng là một biểu hiện của sự tăng trưởng và phát triển kinh tế xã hội, điều đó là đáng mừng. Tuy nhiên, phát triển nhanh, tăng trưởng quá nóng cùng với sự mất cân đối, phá vỡ quy hoạch, thường mang lại những hệ quả khôn lường cho con người và xã hội. Theo số liệu, tính đến tháng 11/2019, các khu công nghiệp, khu kinh tế trên cả nước đã thu hút được khoảng 820 dự án đầu tư nước ngoài và 650 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn thu hút đầu tư và điều chỉnh tăng vốn đạt khoảng 14,7 tỉ USD và 92.000 tỉ đồng (Nguyễn Hoàng, 2019). Còn tính đến hết tháng 5/2018, Việt Nam có khoảng 813 đô thị các loại (bao gồm cả các đô thị trong khu kinh tế, khu công nghiệp...), kinh tế khu vực đô thị chiếm tỉ lệ 70% trong tổng GDP (Lê Anh, 2018). Cùng với sự gia tăng mạnh mẽ các khu đô thị là sự gia tăng dân số, theo kết quả Điều tra dân số năm 2019 "Dân số khu vực thành thị ở Việt Nam năm 2019 là 33.059.735 người, chiếm 34,4%; khu vực nông thôn là 63.149.249 người, chiếm 65,6%" (Ngô Huyền, 2019). Khu vực đô thị mang lại nhiều giá trị sản xuất công nghiệp, giá trị xuất nhập khẩu, tiến bộ khoa học công nghệ và có tác dụng lan tỏa, thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội ở các vùng và trong cả nước. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa tại Việt Nam thì đã nảy sinh những bất cập, hệ lụy xấu tác động đến cuộc sống con người khá nghiêm trọng.

Trước hết, đô thị tăng nhanh, nhưng tỉ trọng đất dành cho xây dựng cơ sở hạ tầng rất thấp, từ đó làm cho các công trình hạ tầng xã hội như: giao thông, y tế, giáo dục, văn hóa (thiếu không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng), công viên cây xanh... quá chật hẹp. Nghĩa là hạ tầng chưa tương xứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế, xã hội, chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân, không tương thích với quy chuẩn của phát triển đô thị, dẫn đến tình trạng ách tắc giao thông, ùn ứ ngập, ô nhiễm môi trường (nước, không khí, rác thải,...) và đặc biệt hạ tầng kĩ thuật chưa đảm bảo kết nối giữa các đô thị và giữa các khu vực trong từng đô thị. Các hệ lụy đó đã tác động mạnh mẽ tới môi trường sống và phát triển của người dân. Hiện tượng ô nhiễm môi trường được thể hiện ở một số mặt cơ bản như: ô nhiễm không khí (bụi công trường, khói xe, khói nhà máy sản xuất công nghiệp); nguồn nước, rác thải dân sinh, rác thải công nghiệp, làng nghề, rác thải y tế,... Tại các đô thị, việc chiếm dụng đất công, san lấp mặt bằng, sông ngòi, lấn chiếm lòng lề đường để làm nhà và xây dựng trái phép, sai phép còn diễn ra thường ngày (không kể đó là đô thị lớn hay nhỏ) gây ra ngập úng, ách tắc giao thông. Xử lí nước thải chưa được chú trọng tại hầu hết các đô thị, thiếu sự đồng bộ trong xây dựng và khai thác

hệ thống hạ tầng kĩ thuật dọc các tuyến đường tại các đô thị. Hệ thống cây xanh công viên ở nhiều đô thị chưa được quan tâm, thiếu quy hoạch và kế hoạch triển khai đầu tư; mặt nước (sông, hồ điều hòa) trong nhiều đô thị bị suy giảm. Trong một nghiên cứu của Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) cho thấy, chất lượng không khí tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh thuộc vào loại tồi nhất trong khu vực, tại Hà Nội có thời điểm nồng độ bụi siêu mịn trong giờ cao điểm lên tới 27.000 - 31.000 hạt/cm³. Cùng với đó là ô nhiễm rác thải, chỉ riêng rác thải sinh hoạt, mỗi ngày tại Hà Nội thải ra ước tính khoảng 6.500 tấn. Nhưng vấn đề nguy hiểm là ở chỗ, rác thải của Hà Nội hiện nay chủ yếu là chôn lấp (khoảng 89%) (Trang Ninh, 2019), mà chưa xử lí được bằng công nghệ cao, đây là nguy cơ tiềm ẩn dẫn đến ô nhiễm nguồn nước ngầm rất lớn,... Có nơi, hoạt động của các nhà máy trong khu công nghiệp đã phá vỡ hệ thống thủy lợi, tạo ra những cánh đồng hạn hán, ngập lụt và ô nhiễm nguồn nước tưới, gây trở ngại rất lớn cho sản xuất nông nghiệp. Thực trạng đó làm cho môi trường sinh thái ở một số địa phương bị ô nhiễm nghiêm trọng. Cộng đồng dân cư, nhất là các cộng đồng dân cư lân cận với các khu công nghiệp đang phải đối mặt với thảm họa về môi trường, họ phải sống chung với khói bụi, uống nước từ nguồn ô nhiễm chất thải công nghiệp.

Hiện nay, đô thị Việt Nam đang phải đối mặt với các vấn đề về biến đổi khí hậu. Biến đổi khí hậu gây bão, lũ lụt và nước biển dâng tác động đến phát triển hệ thống đô thị ven biển và các vùng đồng bằng lớn, trên 40 tỉnh có nguy cơ ngập cao (các vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng sông Hồng, Duyên hải ven biển miền Trung, Đông Nam Bộ), khoảng 128 đô thị có nguy cơ cao bị ngập, 20 đô thị có nguy cơ ngập nặng; biến đổi khí hậu gây mưa lớn, lũ quét, sạt lở đất tác động đến phát triển hệ thống đô thị vùng núi phía Bắc, Tây Nguyên và miền Trung, 31 tỉnh (thuộc các vùng: Trung du và miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ), khoảng 139 đô thị chịu ảnh hưởng, 15 đô thị có khả năng chịu tác động mạnh (Bùi Hằng, 2014).

Nguyên nhân chính và chủ yếu làm phát sinh hệ lụy đó là do trong quá trình phát triển, chúng ta không những thiếu quy hoạch tổng thể mà còn phá vỡ các quy hoạch đã có. Hầu hết các quy hoạch phát triển của Việt Nam đều bị phá vỡ chỉ trong một thời gian ngắn đã gây lãng phí tài nguyên đất đai, nguồn lực của đất nước. Việc phá vỡ quy hoạch dẫn đến hiện tượng chấp vá trong quy hoạch khiến mặt tiền nhiều thành phố bị băm nát bởi tình trạng chia lô, nhà ống dày đặc. Tầm nhìn ngắn hạn với mong muốn khai thác nhanh những lợi ích trước mắt, hàng ngàn dự án bao quanh các thành phố cũng đã được chuyển đổi mục đích cho các công ty kinh doanh bất động sản với hạ tầng chấp vá, tạm bợ. Từ đó thị lớn, nhân bản tới các đô thị nhỏ khiến giờ đây tìm đất xây trường học, bệnh viện, khu

vui chơi giải trí, công viên... trở nên nan giải, tình trạng ngập úng, tắc đường, ô nhiễm ngày càng gia tăng. Tình trạng lãng phí đất đai trong các đô thị chưa được khắc phục, hiệu quả đầu tư xây dựng còn thấp ảnh hưởng đến phát triển diện mạo đô thị và phát triển bền vững con người. Tính không bền vững còn thể hiện ở chỗ, quá trình đô thị hóa nhanh khiến cho nhiều lao động vốn dĩ gắn liền với nông nghiệp không kịp chuyển đổi nghề. Những nghề người nông dân làm tại đô thị như: xe ôm, cứu vạt, phụ hồ, giúp việc... không có tác dụng đến nâng cao tay nghề cho lực lượng sản xuất hay đẩy mạnh tiến trình tăng năng suất, chất lượng lao động xã hội. Một số “nghề” còn cho thấy mặt trái, mầm mống xuất hiện của tệ nạn xã hội. Di dân gây áp lực về hạ tầng cho nhiều đô thị, trong khi nông thôn không có người làm ruộng, xuất hiện tình trạng nhà không có người ở, ruộng vườn bỏ không, nông thôn chỉ có người già và trẻ nhỏ. Và nguyên nhân cuối cùng là xử lý chưa nghiêm, chưa kịp thời các hành vi vi phạm về môi trường. Chỉ riêng trong năm 2018 và qua đường dây nóng của Tổng cục Môi trường đã nhận được tổng số 1.143 thông tin phản ánh về ô nhiễm môi trường trên phạm vi cả nước, trong đó có 542 việc hoàn thành việc xử lý và phân hồi tới người dân; một số vụ việc đang được các địa phương xác minh, xử lý¹... Qua đó cho thấy, còn nhiều vi phạm môi trường được phát hiện qua nhiều kênh thông tin khác nhau nhưng chưa được xử lý và chưa bị phát hiện.

2.2. Tác động từ quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn

Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới là hoàn toàn đúng đắn, với kết quả đạt được là đời sống văn hóa (vật chất và tinh thần) của người dân không ngừng được nâng lên, tỉ lệ hộ đói nghèo ngày càng giảm mạnh, mức sống và thu nhập của người nông dân ngày càng được nâng cao, hạ tầng kinh tế, xã hội ngày càng được cải thiện. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đó, người dân nông thôn cũng đang phải gánh chịu những hậu quả nặng nề của ô nhiễm môi trường. Cũng xuất phát từ những vấn đề tăng trưởng nóng, vấn đề tổ chức lại sản xuất, vấn đề quy hoạch manh mún, dẫn đến đường bê tông, nhà ống đua nhau mọc lên, nước thải chảy loang quanh rồi cuối cùng lại dẫn ra ao hồ trong làng, đống đống cũng tràn ngập rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp, rác thải nông nghiệp (các loại thuốc trừ sâu, phân bón). Do đó, hiện còn có quá nhiều vùng nông thôn bị ô nhiễm bởi mùi hôi thối từ các công trình chăn nuôi, công trình vệ sinh, nước thải các khu công nghiệp, làng nghề,... trong khi đó công tác xử lý ô nhiễm

¹ Công thông tin điện tử Bộ Tài nguyên và môi trường. 2019. “Tổng cục Môi trường căn bám sát Nghị quyết 01 năm 2019 của Chính phủ để hành động và bút phá”. (<http://www.monre.gov.vn/Pages/tong-cuc-moi-truong-can-bam-sat-nghi-quyet-01-nam-2019-cua-chinh-phu-de-hanh-dong-va-but-pha.aspx>). ngày truy cập 03/01/2019.

môi trường chưa được quan tâm thực sự. Chẳng hạn, đến nay, tỉ lệ làng nghề có thu gom nước thải tập trung chỉ chiếm 27,6% tổng số làng nghề có nước thải công nghiệp; trong đó tỉ lệ làng nghề có nước thải xử lí tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường chiếm 16,1%; tỉ lệ làng nghề có điểm thu gom chất thải rắn công nghiệp chiếm 20,9% tổng số làng nghề có chất thải rắn công nghiệp (Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, 2019). Như vậy, có thể thấy, còn hàng trăm làng nghề chưa khắc phục được hiện tượng ô nhiễm môi trường. Hơn nữa, trong quá trình kinh doanh từ trồng trọt, chăn nuôi, thu hoạch, bảo quản, sơ chế đến chế biến thành phẩm đang sử dụng một cách tùy tiện các loại thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật, phụ gia và các chất cấm vào lương thực, thực phẩm để cung cấp cho thị trường.

Bên cạnh đó, hiện tượng vứt bừa bãi các loại bao bì thuốc thú y, bảo vệ thực vật trên các cánh đồng, bờ ruộng chưa được thu gom xử lí đã góp phần làm ô nhiễm môi trường, nguồn nước,.... Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, tính đến tháng 5/2019, dân số khu vực nông thôn Việt Nam có hơn 62,3 triệu người, nước thải sinh hoạt ở khu vực nông thôn có tổng khối lượng là khoảng hơn 6,2 triệu m³/ngày đêm. Cả nước có 3.210 xã và 19.5 nghìn thôn có hệ thống thoát nước thải sinh hoạt (chiếm 35,8% tổng số xã và 24,4% tổng số thôn) (Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, 2019). Tuy nhiên, thực trạng hiện nay cho thấy, hầu hết các hộ gia đình nông thôn mới chỉ áp dụng biện pháp xử lí sơ bộ (bể phốt) đối với nước thải từ nhà vệ sinh (nước đen), phần nước thải còn lại từ các hoạt động sinh hoạt khác (nước xám) hầu như không được thu gom và xử lí. Hệ quả là, hiện ở các địa phương (vùng nông thôn) trong cả nước có “37 làng ung thư”, các nguồn nước ăn uống, sinh hoạt tại các làng này đều ô nhiễm nặng. Cụ thể, hơn 80% kết quả phân tích mẫu vi sinh vượt tiêu chuẩn cho phép, hơn 65% kết quả phân tích nhiễm bản vượt tiêu chuẩn cho phép, hơn 30% số mẫu có tổng hàm lượng sắt, nhôm, cadimi, benzen, bentazone, phenol, asen, mangan vượt tiêu chuẩn cho phép (Phan Song Ngân, 2015). Đây là những mối đe dọa nguy hiểm trực tiếp tới con người, đến phát triển bền vững, đặc biệt là người dân nông thôn hiện nay. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện đang là điểm nóng của ô nhiễm môi trường. Chúng ta biết rằng, đây là vùng kinh tế nông nghiệp trọng điểm, luôn đứng đầu cả nước về nhiều mặt hàng nông sản, thủy sản. Tuy nhiên, nước thải từ hoạt động canh tác nông nghiệp hầu như không thể kiểm soát.

Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới, hầu hết nông dân trồng lúa đều sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật nhiều hơn mức được khuyến nghị. Và theo tính toán, mỗi năm có khoảng 1.790 tấn hoạt chất thuốc diệt ốc sên, 210 tấn hoạt chất thuốc diệt cỏ, 1.224 tấn hoạt chất thuốc trừ sâu và 4.245 tấn hoạt chất thuốc diệt nấm được sử dụng dư

thừa trong sản xuất lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long. Bên cạnh đó, hoạt động nuôi trồng thủy sản cũng đang là nguồn gây ô nhiễm môi trường cục bộ trên các sông vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Toàn vùng có diện tích nuôi thủy sản nước ngọt. nước mặn trên 685.800 ha, bằng gần 60% của cả nước. Chi tính riêng tại tỉnh An Giang đã có 102 cơ sở nuôi trồng thủy sản phát sinh nước thải từ 1.000 - 70.000 m³/ngày đêm (Mai Chi, 2019). Một điều hết sức quan ngại là bùn phù sa lắng đọng trong ao nuôi trồng thủy sản thải ra hàng năm trong quá trình vệ sinh và nạo vét ao nuôi là nguồn gây ô nhiễm chính; chất thải ao nuôi công nghiệp cũng là nguồn có thể gây ô nhiễm môi trường và dịch bệnh thủy sản phát sinh trong môi trường nước. Tính đến giữa năm 2018, toàn vùng có 37 khu công nghiệp tại 12 tỉnh, thành phố đang hoạt động. Hầu hết các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung trên địa bàn các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đều nằm dọc tuyến sông Hậu và sông Tiền, hoạt động trong lĩnh vực chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu. Tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung trên địa bàn các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long là 89%, tương đương tỷ lệ trung bình cả nước (88,5%). Trong tổng số 52 cụm công nghiệp có 17 cụm công nghiệp đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung, chiếm tỷ lệ 33%, đây là tỷ lệ khá cao so với các vùng khác (tỷ lệ trung bình toàn quốc là 16) (Mai Chi, 2019). Như vậy, vẫn còn một lượng đáng kể nước thải không qua xử lý hoặc xử lý không đạt tiêu chuẩn xả ra môi trường. Đây là một trong những nguyên nhân khiến cho tài nguyên nước bề mặt trên sông Tiền, sông Hậu và các cửa sông thông ra biển đã bị ô nhiễm do chất hữu cơ và vi sinh là: BOD, COD, Coliform, H₂S, NH₄, phèn sắt,... Biết rằng, để đáp ứng nhu cầu lương thực, thực phẩm hàng ngày, con người không thể chỉ dựa vào thiên nhiên và sử dụng các phương pháp canh tác cổ xưa mà phải đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và đời sống nhằm nâng cao năng suất lao động và chất lượng cuộc sống. Nhưng, ở nước ta hiện nay, trong các sản phẩm tiêu thụ hàng ngày còn tồn dư quá nhiều hóa chất độc hại gây ra những vụ ngộ độc nghiêm trọng. Các hoạt động sản xuất thâm canh tăng vụ, trong trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đã bộc lộ mặt trái như: Gây ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái, sụt lún đất, suy giảm mạch nước ngầm; các nguồn chất thải trong sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, nuôi thủy sản và nước thải nông thôn,... chưa được xử lý triệt để đang ô nhiễm môi trường và nguy cơ lây lan dịch bệnh. Điều đó làm ảnh hưởng lớn đến sức khỏe con người. Bên cạnh những ảnh hưởng trực tiếp, các vụ ngộ độc ảnh hưởng đến sức khỏe con người, những hóa chất độc hại đó còn để lại những di chứng tiềm ẩn lâu dài, gây ra nhiều chứng bệnh nan y mà con người phải gánh chịu. Theo thống kê của Bộ Y tế, hàng năm, cả nước có gần 200.000 người bị bệnh ung thư mới phát hiện và có 70.000 người chết vì căn bệnh này (Trần Ngọc, 2016). Một trong những nguyên nhân

cơ bản dẫn đến tình trạng bệnh ung thư ngày càng gia tăng. theo đánh giá tổng hợp của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và môi trường là do môi trường sống ngày càng xuống cấp nghiêm trọng.

2.3. Tác động từ việc khai thác tài nguyên thiên nhiên

Chúng ta biết rằng, rừng là lá phổi xanh của Trái đất, là nguồn sống của con người. Nhưng rừng đang bị đe dọa nghiêm trọng, tình trạng chặt phá ở mức báo động đỏ. Nếu như không biết quý trọng và bảo vệ rừng thì cuộc sống của chính con người cũng đang bị hủy hoại nghiêm trọng. Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, tính đến ngày 31/12/2018, diện tích đất có rừng toàn quốc là 14.491.295 ha; trong đó: rừng tự nhiên 10.255.525 ha, rừng trồng 4.235.770 ha. Diện tích đất có rừng đủ tiêu chuẩn để tính độ che phủ toàn quốc là 13.785.642 ha; tỉ lệ che phủ là 41,65%. Theo Tổng cục Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn), chỉ hơn 5 năm (từ năm 2012 - 2017), diện tích rừng tự nhiên bị mất do chuyển mục đích sử dụng rừng tại các dự án được duyệt chiếm 89% tổng diện tích rừng giảm; còn lại là do phá rừng trái pháp luật làm mất 11%. Từ tổng hợp của 58 tỉnh, thành phố trên cả nước cho thấy, trong khoảng 5 năm qua, các cơ quan nhà nước đã phê duyệt chuyển mục đích sử dụng rừng gần 38.300 ha/1.892 dự án. Trong đó rừng tự nhiên gần 19.000 ha, rừng trồng hơn 15.800 ha, đất chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp trên 3.500 ha². Đáng lưu ý, một số vụ phá rừng nghiêm trọng ở các tỉnh Tây Nguyên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Nghệ An, Bắc Kạn, Điện Biên được phát hiện chậm.

Theo Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, chính việc xử lí thiếu kiên quyết, không nhất quán, thậm chí có biểu hiện né tránh trách nhiệm, làm ngơ, tiếp tay cho người phá rừng, gây thiệt hại lớn đối với tài nguyên rừng, gây bức xúc trong xã hội. Rừng thể hiện vai trò không thể thay thế trong cuộc sống của con người. Rừng đóng vai trò quan trọng trong cuộc chiến chống biến đổi khí hậu toàn cầu, cung cấp oxy cho khí quyển và giữ lại lượng lớn CO₂ thải ra. Rừng góp phần tích trữ nước cho các dòng sông, là nguồn cung cấp nước cho gần 50% các thành phố lớn nhất thế giới. Rừng tạo ra và duy trì độ phì nhiêu cho đất; giúp điều chỉnh tác động tiêu cực của các hiện tượng thời tiết cực đoan như bão, lũ và hạn hán,... Tầm quan trọng của rừng còn thể hiện ở chỗ, rừng là hệ sinh thái có giá trị đa dạng lớn nhất và là nơi sinh sống của hơn một nửa các loài động vật, thực vật và côn trùng trên cạn,... Hiện nay, sinh kế của 1,6 tỉ người trên

² Nguồn: Quyết định số 911/QĐ-BNN&PTNT-TCLN ngày 19/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về Công bố hiện trạng rừng toàn quốc đến ngày 31/12/2018.

³ Tài liệu đã dẫn trên.

Trái đất phụ thuộc vào rừng. Do đó, bắt chấp tất cả lợi ích vô giá về sinh thái, kinh tế, xã hội và sức khỏe, con người đang khai thác rừng một cách khá tùy tiện. Việc phá rừng để làm thủy điện, kinh tế; phá rừng để phát triển cơ sở dịch vụ kinh doanh; phá rừng để đào mỏ, khai thác lâm, khoáng sản; phá rừng để làm nương rẫy, thậm chí, phá rừng vì những nhu cầu quá "thực dụng"; chặt gỗ để làm thớt, đốt rừng để lấy than hoa là một thảm họa cho con người.

Theo thống kê mới nhất của Cục Kiểm lâm thì 9 tháng đầu năm, năm 2017 có 155.68 ha rừng bị chặt phá và 5.364,85 ha rừng bị cháy. Diện tích rừng tự nhiên trên khắp cả nước bị suy giảm nghiêm trọng. Trong đó, độ che phủ của rừng chỉ nằm ở con số chưa đầy 40%. Diện tích rừng nguyên sinh chỉ còn khoảng 10% (Ngọc Cẩm, 2016). Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, trong năm 2018, lực lượng chức năng đã phát hiện trên 12.900 vi phạm pháp luật về rừng, giảm 3.500 vụ so với năm 2017. Trong số vi phạm này có 1.727 vụ phá rừng trái phép (giảm 440 vụ). Diện tích rừng bị thiệt hại là 936 ha, giảm 515 ha (tương ứng giảm 35%). Có 11.289 vụ vi phạm đã được xử lý, trong đó, xử phạt hành chính 10.900 vụ, giảm 3.077 vụ (tương ứng 22%) so với năm 2017. Điều đáng nói là số vụ phá rừng giảm nhưng số vụ bị xử lý, khởi tố hình sự lại tăng mạnh với 363 vụ, tăng 51 vụ (tăng 16%) so với năm 2017; trên 16.027m³ gỗ các loại bị tịch thu (giảm 7% so với năm 2017). Cũng trong năm này, có 4.967 vụ vận chuyển, mua bán trái pháp luật gỗ và lâm sản (giảm 25% so với cùng năm 2017) bị phát hiện và xử lý, tịch thu 16.027m³ gỗ, trong đó, có 7.236m³ gỗ tròn; 8.791m³ gỗ xẻ (L.V., 2018). Cùng với đó là nạn phá rừng trên thế giới cũng còn đáng lo ngại, theo số liệu do Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO) công bố "mỗi năm, có khoảng 130.000 km² rừng trên thế giới bị biến mất do nạn phá rừng" (Tài Nguyên, 2019). Điều này khiến cho môi trường sống của 2/3 loài trên Trái đất bị thu hẹp, đa dạng sinh học bị suy giảm. Bên cạnh đó, việc chuyển đổi đất rừng sang đất nông nghiệp, đất định cư, thu hoạch gỗ không bền vững, quản lý đất đai không hiệu quả,... cũng là những lý do phổ biến nhất cho sự thất thoát rừng ở nhiều khu vực trên thế giới. Mất rừng làm mất cân bằng nguồn nước, nơi có rừng bị tàn phá thường thiếu nước trầm trọng. Người ta ước tính với nạn phá rừng như hiện nay, tới năm 2050, sẽ có 2 tỉ người, tức 20% dân số thế giới bị thiếu nước. Hầu hết số người phải chịu cảnh thiếu nước này đều sống ở các quốc gia đang phát triển. Ngoài ra, nguồn thực phẩm cũng có nguy cơ bị đe dọa vì nước dùng để tưới tiêu cũng trở nên khan hiếm. Qua thực tế nêu trên, chúng ta có thể nhận thấy diện tích rừng ngày một giảm dần, dẫn đến nạn ô nhiễm môi sinh, nạn trái đất ấm dần lên, nạn đói kém, hạn hán, lũ lụt ngày một tăng cả về tần suất và cường độ, nạn voi bỏ rừng về buôn làng giết hại con người, phá hoại tài sản đã xảy ra. Rừng mất đi đồng nghĩa là

thiên tai nguy hiểm như EL Nino, La Nina... liên tiếp xảy ra. Lũ quét, lũ đầu nguồn, sụt lở đất, biến đổi khí hậu, băng tan... là những cơn giận dữ của thiên nhiên để phản ánh lại sự tàn phá của con người.

Thực tiễn cho thấy, để tồn tại và phát triển, con người luôn cần một khoảng không gian dành cho nhà ở, sản xuất lương thực và tái tạo môi trường. Con người có thể gia tăng không gian sống cần thiết cho mình bằng việc khai thác và chuyển đổi chức năng sử dụng của các loại không gian khác như khai hoang, phá rừng, cải tạo các vùng đất và nước mới. Nhưng việc khai thác quá mức không gian và các dạng tài nguyên thiên nhiên sẽ dẫn đến những hậu quả nặng nề mà con người phải gánh chịu. Do đó, để vừa được hưởng cuộc sống có chất lượng cao vừa bảo vệ được môi trường sống là cả một vấn đề lớn và phức tạp, không chỉ giới hạn trong việc sử dụng những sản phẩm tiêu thụ mà còn liên quan rất nhiều đến cách cư xử của chính con người với thiên nhiên. Rừng mất kéo theo bao hệ lụy. Mưa bão xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam ngày càng tăng cả về tần suất và mức độ nguy hại, trở thành mối đe dọa thực sự đối với cuộc sống của con người và sự phát triển của nền kinh tế. Nạn phá rừng đầu nguồn để khai thác gỗ, phát triển nông nghiệp, thủy điện... làm thâm thực vết trên các lưu vực ngày càng giảm dần đến khả năng giữ nước, cản dòng chảy kém, tạo ra lũ ồng, lũ quét hủy hoại tài sản, hoa lợi, đe dọa tính mạng con người.

3. Một vài đề xuất hướng đến phát triển bền vững vì mục tiêu phát triển con người

Con người và môi trường có mối quan hệ biện chứng, chặt chẽ với nhau. Con người sống trong môi trường nào thì chịu sự tác động qua lại của môi trường đó. Trong mối quan hệ với môi trường tự nhiên, con người lựa chọn tạo dựng môi trường sống của mình từ môi trường tự nhiên, tận dụng khai thác tài nguyên thiên nhiên nhằm phục vụ cuộc sống của mình. Trong mối quan hệ tương tác, môi trường tự nhiên làm nền tảng cho cuộc sống của con người. Nếu con người biết giới hạn để vừa sử dụng vừa bảo vệ môi trường tự nhiên thì mối quan hệ ngày càng bền chặt và tồn tại lâu dài. Nhưng quá trình phát triển kinh tế trong những năm vừa qua đã để lại hậu quả khá nặng nề cho môi trường sống con người hiện nay. Để khắc phục các vấn đề đó và bảo đảm cho sự phát triển bền vững, đòi hỏi phải duy trì mối quan hệ thân thiện giữa con người và môi trường, ngăn chặn những tác động tiêu cực của con người tới môi trường tự nhiên và xã hội. Cụ thể, chúng ta cần phải thực hiện những vấn đề sau:

Thứ nhất, tăng cường nâng cao nhận thức cho cộng đồng về tầm quan trọng của môi trường đối với sức khỏe và chất lượng cuộc sống con người. Nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường từ mỗi người dân, mỗi gia đình, mỗi địa phương; xác định "Bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn dân. Tổ chức, cá nhân phải có trách nhiệm bảo vệ môi trường,

thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường, có quyền và có trách nhiệm phát hiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường" (Điều 6, Luật Bảo vệ môi trường); Thường xuyên công khai các thông tin, số liệu liên quan đến tình hình ô nhiễm và các nguồn gây ô nhiễm môi trường trên các phương tiện truyền thông để nâng cao ý thức của người dân trong bảo vệ môi trường sống trong đô thị. Tuyên truyền, vận động, khuyến khích người dân sử dụng các nhiên liệu sạch trong sinh hoạt, sử dụng đúng cách hơn, quy định các hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật trong hoạt động sản xuất. kinh doanh bảo đảm không gây ô nhiễm không khí, nguồn nước và vệ sinh môi trường.

Thứ hai, thúc đẩy việc lập và thực hiện quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch đô thị phải gắn với bảo vệ môi trường, có các giải pháp, kế hoạch, lộ trình thực hiện quy hoạch xây dựng kết hợp bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước. Ưu tiên phát triển giao thông công cộng, đặc biệt là các phương tiện giao thông công cộng hiện đại, không gây ô nhiễm. Kế hoạch đề ra mục tiêu tổng quát là hướng tới tăng cường công tác quản lý chất lượng không khí thông qua kiểm soát nguồn phát sinh khí thải; giám sát chất lượng không khí xung quanh nhằm cải thiện chất lượng môi trường không khí và bảo đảm sức khỏe cộng đồng. Cần xem việc phát triển phương tiện vận chuyển công cộng là giải pháp trọng tâm để giảm nguy cơ tắc nghẽn giao thông và ô nhiễm môi trường đô thị. Các chiến lược, chính sách quy hoạch đô thị cần phải có tầm nhìn chiến lược lâu dài, từ 20 năm tới 50 năm, tầm nhìn 100 năm.

Thứ ba, kiểm soát bụi trong quá trình thi công, vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải tại các công trường xây dựng; đầu tư, thực hiện đổi mới công nghệ, quy trình sản xuất, thiết bị sản xuất tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm hạn chế phát sinh khí thải; tiếp tục đầu tư xây dựng, lắp đặt, vận hành các hệ thống thiết bị xử lý khí thải phát sinh từ các cơ sở công nghiệp, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường không khí,... Đặc biệt phải thiết lập lại và thực hiện việc phân loại rác thải tại nguồn, giúp tái chế rác thải, tiết kiệm tài nguyên, tạo năng lượng mới, sản phẩm có ích như phân bón, khí metal phục vụ sản xuất điện. Khuyến khích áp dụng các biện pháp giảm thiểu khí CO₂ như tiết kiệm năng lượng điện, than đá, dầu mỏ hay dùng các công nghệ ít tạo ra khí thải. Hỗ trợ và khuyến khích doanh nghiệp, cộng đồng tham gia thực hiện các chính sách, công cụ kinh tế trong quản lý và bảo vệ môi trường.

Thứ tư, Việc quyết định các dự án đầu tư cần được cân nhắc kỹ lưỡng giữa lợi ích đem lại trước mắt với những ảnh hưởng của nó đến môi trường về lâu dài. Thực hiện công khai, minh bạch việc quy hoạch các công trình, các dự án đầu tư phải được tổ chức thực hiện nghiêm túc khâu thẩm định, đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư, đặc biệt phải tạo điều kiện để mọi tổ chức và công dân có thể tham gia phản biện

xã hội về tác động môi trường của những quy hoạch và dự án đó trước khi cấp giấy phép đầu tư. Đặc biệt, trong xây dựng và hoạch định chính sách phải lồng ghép các giá trị của rừng vào kế hoạch chi ngân sách, tránh sự bản cứng hóa của người dân dẫn đến việc phá rừng, gây tổn hại đến sự sống của rừng. Xác định rừng bảo đảm sự tồn vong của con người, còn rừng là còn người. Tăng cường kiểm soát hành vi xâm phạm, hủy hoại tài nguyên rừng, đẩy nhanh hơn tốc độ phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, tăng độ bao phủ của rừng, xử lý nghiêm minh đối với những hành vi phá rừng.

Thứ năm, tăng cường hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường. Tăng cường trao đổi, hợp tác song phương, đa phương cùng cam kết thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu (UNFCCC); hợp tác trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ tài nguyên môi trường biển, quản lý tài nguyên nước, biến đổi khí hậu, quy hoạch đất đai và bồi hoàn đa dạng sinh học; cam kết cùng thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) và Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. Thúc đẩy hợp tác kỹ thuật với các nước có kinh nghiệm và hỗ trợ nguồn lực trong bảo vệ môi trường không khí; ưu tiên mở rộng quan hệ quốc tế về bảo vệ môi trường không khí dưới hình thức thiết lập các chương trình, dự án đa phương và song phương, hỗ trợ kỹ thuật; tiếp tục đẩy mạnh hợp tác và sử dụng hiệu quả hỗ trợ của các tổ chức quốc tế như Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF), Tổ chức Sáng kiến Không khí sạch châu Á (CAI-ASIA),...

Thứ sáu, tiếp tục nghiên cứu, tổ chức lại sản xuất, áp dụng các mô hình tăng trưởng xanh, không tăng trưởng bằng mọi giá. Mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh phải bảo đảm an toàn chất lượng nước và hệ sinh thái dưới nước, việc cấp thoát nước, xử lý rác thải công nghiệp, y tế/hóa chất,... phải tuân thủ nghiêm ngặt, hạn chế đến mức thấp nhất ô nhiễm không khí và biến đổi khí hậu; tăng cường nguồn lực cho công tác bảo vệ môi trường. Thực tiễn cho thấy, công tác quản lý môi trường vẫn còn những hạn chế do việc bố trí nguồn lực cho công tác xây dựng văn bản chưa thật hợp lý, nguồn lực còn bị phân tán, chưa bảo đảm tính ưu tiên, tập trung, thống nhất; thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy, cán bộ theo chức năng, nhiệm vụ bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đồng thời, phải tiếp tục tăng cường xử lý nghiêm các hành vi vi phạm môi trường.

Thực hiện tốt những vấn đề trên, chúng ta có thể bảo đảm phát triển bền vững con người trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, góp phần quan trọng cùng cộng đồng quốc tế bảo vệ môi trường sống ngày càng trong lành và thân thiện với con người trên phạm vi toàn cầu.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Anh. 2018. “Những bất cập trong quá trình đô thị hóa - góc nhìn đại biểu”, (<http://quochoi.vn/UserControls/Publishing/News/BinhLuan/pFormPrint.aspx>), ngày truy cập 06/10/2018.
2. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. 2019. “Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020”.
3. Bộ Tài nguyên và môi trường. 2016. “Báo cáo Hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2011 - 2015”.
4. Bộ Tài nguyên và môi trường. 2016. *Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Tài nguyên môi trường và Bản đồ Việt Nam.
5. Công ước của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu (UNFCCC) năm 1992.
6. Mai Chi. 2019. “Đồng bằng sông Cửu Long: Báo động nước thải nông nghiệp”, (<https://baotainguyenvaimoi.ruong.vn/dong-bang-song-cuu-long-bao-dong-nuoc-thai-nong-nghiep-294481.html>), ngày truy cập 27/08/2019.
7. Ngọc Cẩm. 2016. “nghiên cứu lịch sử” (<http://www.nghiencuulichsu.com>), truy cập ngày 21/12/2016.
8. Cổng thông tin điện tử Bộ Tài nguyên và môi trường. 2019. “Tổng cục Môi trường cần bám sát Nghị quyết 01 năm 2019 của Chính phủ để hành động và bút phá”, (<http://www.monre.gov.vn/Pages/tong-cuc-moi-truong-can-bam-sat-nghi-quyet-01-nam-2019-cua-chinh-phu-de-hanh-dong-va-but-pha.aspx>), ngày truy cập 03/01/2019.
9. Nguyễn Thế Chinh, Phan Thị Kim Oanh. 2016. “An ninh nguồn nước trong tiến trình hội nhập khu vực và sự lựa chọn chính sách của Việt Nam”. Kí yếu *Hội thảo quốc tế về An ninh phi truyền thống trong tiến trình hội nhập khu vực: Kinh nghiệm EU - ASEAN và những gợi mở chính sách cho Việt Nam*.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam. 1991. *Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2004. Nghị quyết số 41-NQ/TW, ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị khóa IX về “Bảo vệ môi trường trong thời kì đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước”.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2016. *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII*.
13. Nguyễn Hoàng. 2019. “Các khu công nghiệp, khu kinh tế Việt Nam: Phát triển vững mạnh năm 2019”, (nguồn kinhtevadubao.vn), ngày truy cập 07/12/2019.

14. Bùi Hằng. 2014. “Ứng phó với biến đổi khí hậu ở đô thị”, (<https://baotintuc.vn/xahoi/ung-pho-voi-bien-doi-khi-hau-o-do-thi-20141216233103344.htm>), ngày cập nhật 07/12/2019.
15. Ngô Huyền. 2019. “Công bố kết quả sơ bộ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019”, (<https://baotainguyenmoitruong.vn/thach-thuc-gia-tang-do-thi-hoa-273903.html>), ngày truy cập 16/07/2019.
16. IMHEN và UNDP. 2015. “Báo cáo đặc biệt của Việt Nam về Quản lý rủi ro thiên tai và hiện tượng cực đoan nhằm thúc đẩy thích ứng với biến đổi khí hậu”.
17. Trang Ninh. 2019. “Ô nhiễm môi trường sống và bài toán quy hoạch”, (<https://daunubds.baodautu.vn/o-nhiem-moi-truong-song-va-bai-toan-quy-hoach-d110181.html>), ngày truy cập 06/11/2019.
18. Tài Nguyên. 2019. “Nhức nhối nạn phá rừng”, (<https://baotainguyenmoitruong.vn/nhuc-nhoi-nan-pha-rung-237665.html>), ngày truy cập 21/03/2019.
19. Phan Song Ngân. 2015. “Làng ung thư khát nước sạch”, (<https://tuoitre.vn/cong-bo-danh-sach-lang-ung-thu-co-nguon-nuoc-o-nhiem-nang-706143.htm>), truy cập ngày 01/02/2015.
20. Trần Ngọc. 2016. “Mỗi năm Việt Nam có thêm 200.000 ca ung thư mới”, (<https://plo.vn/suc-khoe/moi-nam-viet-nam-co-them-200000-ca-ung-thu-moi-653938.html>), ngày truy cập 22/09/2019.
21. Phạm Ngọc Lăng. 2016. “Tai biến môi trường - Một mặt trận an ninh phi truyền thống nóng bỏng”. Tạp chí *Cộng sản*.
22. Bích Liên. 2016. “Gia tăng lượng chất thải nguy hại từ hoạt động sản xuất công nghiệp”, (<http://dangcongsan.vn/preview/newid/411381.html/>), ngày truy cập 11/10/2016.
23. Sönke Kretz, David Eckstein, Lukas Dorsch & Livia Fischer. 2015. Global climate risk index 2016 - Who Suffers Most From Extreme Weather Events? Weather-related Loss Events in 2014 and 1995 to 2014.
24. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2004. *Luật An ninh quốc gia*.
25. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2014. *Luật Bảo vệ môi trường*.
26. Quyết định số 911/QĐ-BNN&PTNT-TCLN ngày 19/03/2019 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về Công bố hiện trạng rừng toàn quốc đến ngày 31/12/2018.
27. L.V. 2018. “Trên 1.700 vụ phá rừng trái phép gây bức xúc dư luận”, (<https://laodong.vn/xahoi/tren-1700-vu-pha-rung-trai-phetp-gay-buc-xuc-du-luan-648804.kdo>), ngày truy cập 26/12/2018.